TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:388/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/5/2024
V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đoan Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Ngọc Minh;

2. Bà Phạm Thị Minh Châu.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 131/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2024/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc T chỉ: Số C đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Trần Văn Q T1địa chỉ: Số C đường L, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông T1 vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nhận ngày 14/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T2 trình bày:

Bà Phạm Thị Ngọc T3 ông Trần Văn Q T1 tự nguyện chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2024 do Ủy ban nhân dân Phường A, Thành phố H ngày 22/5/2014. Vợ chồng ông bà có 01 con chung Trần Quốc Đ(Nsinh ngày 30/11/2013).

Thời gian đầu kết hôn hai bên chung sống hạnh phúc, sau đó bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và bất đồng trong cuộc sống. Do tính cách không hợp nhau và có nhiều khác biệt trong lối sống, suy nghĩ nên hai bên không hạnh phúc. Ông T1không tôn trọng vợ và gia đình vợ, không có trách nhiệm của một người chồng, người cha, không phụ giúp kinh tế gì cho vợ con, khiến cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Hai bên thường xuyên cãi vã, gây gổ, không có tiếng nói chung. Hai bên thường xung đột rất gay gắt, cãi cọ thường xuyên xảy ra trước mặt con và các thành viên trong gia đình.

Dù hai bên đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không được. Hai bên đã tự sống ly thân khoảng hơn 07 năm nay, mỗi người có một cuộc sống riêng.

Nay cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai bên đã quá trầm trọng không còn hàn gắn được, bà T4 cầu Tòa án giải quyết cho bà T5 ly hôn với ông T6 để hai bên sớm ổn định cuộc sống và rõ ràng về mặt pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung là Trần Quốc Đ(Nsinh ngày 30/11/2013). Từ khi con còn nhỏ cho đến nay, trẻ Đđều do bà T7 tiếp chăm sóc.

Do con còn nhỏ, cũng có nguyện vọng ở với mẹ, bà T4 cầu Tòa án giải quyết cho bà T5 trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 15/4/2024 bà Phạm Thị Ngọc T8 nộp Đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Bà T2giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện và xin bảo lưu ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

* Đối với bị đơn ông Trần Văn Q T1: Theo kết quả xác minh của Công an P, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh"*Ông Trần Văn Quốc T9, sinh năm 1984 có hộ khẩu thường trú tại C đường L, Phường A, Quận A,Thành phố Hồ Chí Minh …".*

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Toà án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tống đạt niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ ông Trần Văn Q T1 nhưng ông T9 không đến Toà án giải quyết. Do đó, Toà án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được. Tại phiên tòa xét xử vụ án, ông T9 cũng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: "Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo đúng thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý theo quy định tại Khoản 1 Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng* :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Phạm Thị Ngọc T3 ông Trần Văn Q T1 chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Bà T xin ly hôn với ông T9, bị đơn có nơi cư trú tại Quận A Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng:

Ngày 15/4/2024, nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là ông Trần Văn Q T1 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Ngọc T2:

Bà Phạm Thị Ngọc T3 ông Trần Văn Q T1 tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyển số 01/2024 đăng ký ngày 22/5/2014. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T9 là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy: Mâu thuẫn giữa bà T và ông T9 đã phát sinh chủ yếu về mặt tình cảm, nguyên nhân do vợ chồng khác biệt về lối sống và quan điểm sống, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cả hai không còn liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hòa giải với nhau để đoàn tụ gia đình. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần tống đạt các văn bản tố tụng, thông báo cho ông T9 đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông T9 đều vắng mặt không lý do, thể hiện ông T9 không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào những nhận định nêu trên và căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định: "*Khi tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*". Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc T10 ly hôn với ông Trần Văn Q T1.

* Về con chung: Có 01 con chung là Trần Quốc Đ(Nsinh ngày 30/11/2013). Bà T4 cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T1cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:*

Về án phí dân sự sơ thẩm bà Phạm Thị Ngọc T11 nộp án phí theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; 228; 271; 273; 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị N T.

Bà Phạm Thị Ngọc T10 ly hôn với ông Trần Văn Q T1.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc T2 được trực tiếp chăm sóc giáo dục trẻ Trần Quốc Đ(Nsinh ngày 30/11/2013). Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông T9 cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Văn Q T1 không trực tiếp nuôi con, được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Không ai được cản trở ông bà thực hiện quyền này.

Vì quyền lợi của trẻ chưa thành niên, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ, cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể xem xét quyết định việc hạn chế quyền thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí: Bà Phạm Thị Ngọc T11 nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2023/0032619 ngày 23/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn Q T1 và bà Phạm Thị Ngọc T8 quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- UBND P.15, Q.11, T.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Đoan Tiên